

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỔ YÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20/9/2022.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Thu Thủy.

- Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Hải.

2. Bà Nguyễn Thị Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Văn Chiến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên tham gia phiên tòa: Bà Trần Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 103/HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1999;

Địa chỉ: TDP X, phường TT, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

- Bị đơn: Anh Trần Khánh D, sinh năm 1996;

Địa chỉ: TDP AL phường TT, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

(Chị A có mặt, Anh D vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc A trình bày: Chị và anh Trần Khánh D tự nguyện kết hôn với nhau từ tháng 9 năm 2019. Có đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) TT vào ngày 11/9/2019. Sau khi kết hôn chị A về nhà anh D làm dâu, ở chung cùng gia đình anh. Tình cảm vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2020 thì mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, cách sống bên cạnh

đó anh D còn ham chơi cờ bạc, không chịu làm ăn nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, làm cho cuộc sống vợ chồng trở nên căng thẳng và không có hạnh phúc. Cho đến tháng 3 năm 2020 chị không chịu đựng được đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở vợ chồng sống ly thân nhau từ đó đến nay. Nay chị A xác định không còn tình cảm với anh D nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị có một con chung là: Trần Xuân M, sinh ngày 23/01/2020. Hiện nay con đang ở với chị, nay ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị đang đi làm tại Công ty ELovi - Phố Yên, thu nhập bình quân mỗi tháng được khoảng từ 9.000.000đồng đến 10.000.000đồng. Chị đảm bảo được cuộc sống của con.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, các khoản cho vay: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị không có nợ chung, các khoản cho vay chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Khánh D vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập, tổng đạt hợp lệ cho bị đơn anh D, Anh D không đến Tòa án để làm việc. Tòa án đã đến gia đình anh D gặp mẹ anh D là bà Trần Thị P để xác minh và giao các văn bản tố tụng cho anh D, bà P đã nhận và chụp ảnh qua Zalo gửi cho anh D về việc thông báo của Tòa án về việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng anh D vẫn không đến Tòa án để làm việc.

Tòa án đã tiến hành xác minh với Công an phường Trung Thành xác định được: Anh Trần Khánh D có vợ là Nguyễn Thị Ngọc A, hiện nay theo thông tin trên hệ thống dữ liệu dân cư do Công an phường TT quản lý thì anh D có hộ khẩu tại tổ dân phố AL, phường TT. Chủ hộ là bà Trần Thị Phúc, các nhân khẩu kèm theo gồm Trần Khánh Ly, Trần Thị Ngọc A. Hiện anh D không khai báo tạm vắng, không chuyển khẩu đi đâu.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND thành phố Phố Yên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án. Được thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến đề nghị, kiến nghị gì.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016, ra quyết định với các nội dung sau:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Ngọc A được ly hôn với anh Trần Khánh D. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Ngọc A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Trần Xuân M, sinh ngày 23/01/2020.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị A nuôi con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra việc giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, các khoản cho vay chung: Chị A xác định không có nên không đặt ra việc giải quyết; về án phí: Chị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng - Thủ lý đơn khởi kiện: Ngày 19/4/2022 chị A nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, cùng ngày Tòa án ra thông báo yêu cầu sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện. Ngày 27/4/2022 chị A nộp đơn khởi kiện bổ sung, cùng ngày Tòa án đã thụ lý vụ án, đảm bảo theo quy định tại khoản 3 Điều 191 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc A và bị đơn là anh Trần Khánh D. Anh D hiện có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại tổ dân phố AL phường TT, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

[3]. Về việc không tiến hành hòa giải được và sự vắng mặt của bị đơn anh Trần KhA D tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án cho anh D, anh D không có nhà bà Phúc là mẹ anh D nhận thay. Tiếp đến Tòa án có thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Bà P nhận và đã chụp qua Zalo để thông báo cho anh D nhưng anh D vẫn không đến Tòa án để làm việc và trình bày quan điểm. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương xác định được anh D vẫn có hộ khẩu ở địa phương, không khai báo tạm vắng, không chuyển khẩu đi đâu. Như vậy là anh D cố tình không hợp tác, không đến Tòa án để trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án. Phía chị A có đơn yêu cầu không tiến hành hoà giải và đề nghị đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật, Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành phiên hòa giải được là phù hợp với quy định tại Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập đến phiên tòa và tiến hành niêm yết theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa lần thứ nhất

anh D vắng mặt Toà án phải hoãn phiên toà và tiếp tục niêm yết Quyết định hoãn phiên toà. Tại phiên toà lần thứ hai anh D vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Điều đó thể hiện sự không tôn trọng hôn nhân của anh chị cũng như không chấp hành theo quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự cần đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh D là đúng quy định của pháp luật và cũng để bảo vệ quyền lợi cho chị A.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc A và anh Trần KhA D xây dựng gia đình với nhau từ tháng 9/2019 có đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) TT vào ngày 11/9/2019, là hôn nhân hợp pháp, nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà chị A xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng không còn khả năng hàn gắn được nữa nên nguyện vọng của chị xin được ly hôn anh D.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị A thấy: Hạnh phúc vợ chồng chỉ thật sự đạt được khi cả vợ lẫn chồng cùng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Thế nhưng đối với vợ chồng anh chị thì không làm được điều đó. Bản thân anh D là người chồng, người trụ cột trong gia đình nhưng không làm chỗ dựa về tinh thần cho chị A mà ngược lại anh đã không tu chí làm ăn, ham chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần, chị đã nhiều lần khuyên can nhưng anh không nghe, sau đó đến tháng 4 năm 2020 thì chị đã phải bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay đã được hơn hai năm, một mình chị phải nuôi dạy con. Quá trình giải quyết vụ án D đã nhận được các văn bản tố tụng nhưng anh không đến Toà án để làm việc và nhắn với chị A không về và bảo chị cứ đơn phương mà giải quyết, anh không đến Toà án để trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án. Điều này thể hiện anh D vừa coi thường pháp luật, vừa không tôn trọng chính hôn nhân của anh chị, thể hiện anh không còn thiện chí thật sự để xây dựng hạnh phúc gia đình với chị A nữa mà chỉ để gây khó khăn kéo dài vụ án. Xét thấy mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 51,56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chị A, xử cho chị A được ly hôn với anh D là đúng quy định của pháp luật.

[4.2]. Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị có một con chung là: Trần Xuân M, sinh ngày 23/01/2020. Hiện nay con đang ở với chị A, nay ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị đang đi làm tại Công ty Elovi - Phổ Yên, thu nhập bình quân mỗi tháng được khoảng từ 9.000.000đồng đến 10.000.000đồng, chị có tài liệu để chứng minh thu nhập của mình, chị đảm bảo được cuộc sống của con. Phía anh D

không tham gia tố tụng nên không có quan điểm gì. Xét thấy chị A có việc làm, thu nhập và chỗ ở ổn định nên có đủ khả năng nuôi con, nên cần chấp nhận yêu cầu xin nuôi con chung của chị A. Chị A nuôi con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con là ý chí tự nguyện của chị A, nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh D cho đến khi chị A có yêu cầu là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4.3]. Về tài sản chung, nợ chung, các khoản cho vay chung: Chị A xác định trong quá trình chung sống chị và D không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ gì, nên không đặt ra việc giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Ngọc A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273, 227, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn, nuôi con của chị Nguyễn Thị Ngọc A đối với anh Trần Khánh D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Ngọc A được ly hôn với anh Trần Khánh D.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Ngọc A được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trần Xuân M, sinh ngày 23/01/2020. cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh D được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con, không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc đi lại, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị A nuôi con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh D cho đến khi chị A có yêu cầu.

Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung, nợ chung, các khoản cho vay chung: Chị A xác định trong quá trình chung sống chị và D không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ gì, nên không đặt ra việc giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc A phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0002183 ngày 27/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị A báo cho biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh D vắng mặt báo cho biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thành phố Phổ Yên;
- THADS thành phố Phổ Yên;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- UBND phường TT;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ TÊN)**

Hà Thị Thu Thủy